

Bản án số: 04/2022/HNGĐ - ST

Ngày: 21/03/2022

V/v tranh chấp Hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ỨNG HÒA – TP HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Thanh Minh**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Văn Duệ** và bà **Nguyễn Thị Lệ Thủy**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hằng** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ứng Hoà, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ứng Hoà tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Khuyến** - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ứng Hoà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 290/2021/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2021 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/02/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2022/QĐST – HNGĐ ngày 04/3/2022 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:** Anh **Nguyễn Tuấn T** – sinh năm 1984

(Có đơn xin xét xử vắng mặt)

*** Bị đơn:** Chị **Trương Thị A** – sinh năm 1992 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)
N-í §KNKTT: thôn QN, xã QPC, huyện UH, TP. Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai anh Nguyễn Tuấn T là nguyên đơn trình bày: anh kết hôn với chị Trương Thị A – sinh năm 1992, ở Họa Đống, xã Trường Thịnh, huyện Ứng Hoà, TP. Hà Nội. Anh chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã QPC, năm 2011.

Quá trình chung sống: vợ chồng không hòa thuận hạnh phúc, năm nào cũng xảy ra mâu thuẫn, va chạm khiến cho không khí gia đình luôn căng thẳng. Nguyên nhân là do vợ chồng không có cùng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung cũng như cách nuôi dạy con cái và làm ăn kinh tế. Cả hai đã cố gắng tìm tiếng nói chung nhưng không có kết quả. Đến ngày 15/10/2019 Chị A bỏ nhà đi và mang theo hai cháu nhỏ đi cùng. Trong thời gian Chị A bỏ đi, anh có đi tìm nhưng không thấy, không biết Chị A mang con đi đâu, làm gì, sống như thế nào. Đến

ngày 12/01/2021 anh có gặp Chị A và hai con ở ngoài đường và đã đón các cháu về ở cùng. Gần đây, vợ chồng nói chuyện được với nhau thì Chị A lại đón cháu H đi. Nay anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn quá trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc nên mong muốn được xin ly hôn. Mong Tòa xem xét giải quyết.

Về con chung: anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn TT – sinh ngày: 11/11/2012; cháu Nguyễn Thị H – sinh ngày: 11/9/2014. Trước đó, anh có nguyện vọng nuôi cả hai con chung, không yêu cầu Chị A phải cấp dưỡng nuôi con. Sau khi suy nghĩ kỹ thì anh đồng ý mỗi người nuôi một con chung. Anh xin nhận nuôi cháu Nguyễn TT, còn cháu Nguyễn Thị H do Chị A là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Anh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công sức, công nợ chung: không có gì, không đề nghị Tòa giải quyết.

Về án phí: anh tự nguyện nộp toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

- Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải: Bị đơn chị Trương Thị A trình bày: Về tình cảm: chị kết hôn với anh Nguyễn Tuấn T trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã QPC, năm 2011. Quá trình chung sống không hòa thuận hạnh phúc như anh T trình bày ở trên là đúng. Chị thường xuyên phải sống trong bạo lực gia đình nhưng vì con cái chị cố gắng chịu đựng. Do không thể chịu đựng được việc anh T đánh đập mẹ con chị nên ngày 15/10/2019 chị đã phải mang hai con ra khỏi nhà và đi lên Điện Biên sinh sống. Trong thời gian sống ly thân chị không có bất kỳ liên lạc gì với anh T, vì chị sợ khi cho anh biết địa chỉ của chị, anh sẽ lên hành hung và làm phiền cuộc sống của mẹ con chị. Đến ngày 12/01/2021, chị cho các cháu về quê chơi, trên đường đi mẹ con chị gặp anh T và anh đã đánh đập, hành hung chị để bắt hai con về. Nay anh T làm đơn xin ly hôn với chị, chị đồng ý ly hôn vì không thể tiếp tục chung sống với anh được nữa. Mong Tòa xem xét giải quyết.

Về con chung: anh chị có 02 con chung như anh T trình bày là đúng. Quan điểm từ trước đến nay chị vẫn mong muốn được nuôi 2 con và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, hiện tại cháu TT đang ở với anh T còn cháu H đang ở với chị. Do đó, nếu không được nuôi cả hai con thì chị cũng mong muốn tiếp tục được nuôi cháu H còn cháu Tài tiếp tục ở với anh T. Chị không yêu cầu gì về việc cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay, cháu H đang ở xa, tình hình dịch bệnh diễn ra phức tạp nên chị không cho cháu về Tòa án làm việc theo yêu cầu của Tòa.

Về tài sản, công sức, công nợ chung: không có gì, không đề nghị tòa giải quyết.

Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương xã QPC xác định: anh Nguyễn Tuấn T và chị Trương Thị A kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã QPC, ngày 28/12/2011. Sau khi kết hôn, cuộc sống của anh T và Chị A không hòa thuận, hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân cụ thể

là gì thì địa phương không nắm rõ, tuy nhiên, địa phương nắm bắt được anh T và Chị A đã sống ly thân được một thời gian dài, Chị A không sinh sống cùng anh T nhưng thì thoảng vẫn thấy có mặt ở địa phương. Trong thời gian sinh sống, anh T, Chị A có 02 con chung là cháu Nguyễn TT – sinh ngày: 11/11/2012 và cháu Nguyễn Thị Hoài – sinh ngày: 11/9/2014. Hiện tại, cháu H đang sinh sống cùng Chị A còn cháu Tài đang sinh sống cùng anh T, cuộc sống của các cháu vẫn ổn định và tốt. Quan điểm của chính quyền địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật để đảm bảo quyền lợi của các đương sự.

Anh T có đơn xin xét xử vắng mặt, Chị A có đơn xin xét xử vắng mặt. Các bên vẫn giữ nguyên ý kiến, không xuất trình thêm tài liệu chứng cứ nào khác.

Quan điểm của Viện kiểm sát về thủ tục tố tụng: Qua việc kiểm sát hồ sơ và tại phiên tòa thấy đều đúng và đầy đủ về quan hệ pháp luật, về thẩm quyền, về người tham gia tố tụng, người tiến hành tố tụng, việc thu thập chứng cứ, tổng đạt văn bản, thời hạn chuẩn bị xét xử, đưa vụ án ra xét xử. Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T đối với Chị A. Giao cháu Tài cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; Giao cháu H cho Chị A tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với Chị A, anh T. Anh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo qui định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã trong hồ sơ vụ án và thêm tra tài liệu tại phiên họp của Hội đồng xét xử, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Tuấn T đã làm đơn ly hôn theo mẫu và đã đóng dự phí ly hôn theo đúng quy định của pháp luật. Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình, Tòa án nhân dân huyện Ứng Hòa tiến hành thụ lý, giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, triệu tập chị Trương Thị A đến tòa án làm việc và tham gia phiên tòa theo đúng trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng Chị A thường xuyên vắng mặt không có lý do tại các buổi làm việc và phiên tòa ngày 04/3/2022 Chị A vắng mặt không có lý do nên HĐXX quyết định hoãn phiên tòa, phiên tòa được mở lại vào hồi 7 giờ 30 phút ngày 21/03/2022 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Ứng Hòa, TP. Hà Nội. Chiều ngày 04/3/2022, Chị A đến Tòa án trình bày quan điểm và nộp đơn xin xét xử vắng mặt. Tại phiên tòa hôm nay, anh T và Chị A đều có đơn xin xét xử vắng mặt, anh chị đều giữ nguyên quan điểm đã trình bày có trong hồ sơ vụ án nên căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử đối với vụ án.

[2] Về hôn nhân: anh T và Chị A kết hôn trên cơ sở tự nguyện, hợp pháp. Tuy nhiên, sau kết hôn anh chị chung sống được một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân. Trong thời gian dài sống ly thân, không ai quan tâm

đến ai thì anh T nộp đơn xin ly hôn với Chị A. Xét thấy cuộc sống giữa anh T và Chị A mâu thuẫn từ lâu đã đến mức trầm trọng, sống ly thân, mục đích hôn nhân không đạt. Chị A cũng có quan điểm mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng và đồng ý ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của anh T là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình.

[3] Về con chung: anh T và Chị A có 02 con chung là cháu Nguyễn TT – sinh ngày: 11/11/2012 và cháu Nguyễn Thị H – sinh ngày: 11/9/2014. Hiện tại, cháu Tài đang ở với anh T và cháu H đang ở với Chị A. Trước đó, anh chị đều có quan điểm xin nhận nuôi cả hai con, nhưng sau này cả hai đều có cùng quan điểm mỗi người nuôi 01 con chung. Anh T nhận nuôi cháu Tài, còn Chị A xin được nuôi cháu H và cả hai không yêu cầu việc cấp dưỡng nuôi con. Quan điểm của anh T và Chị A đều phù hợp với nhau, phù hợp với nguyện vọng của các con. Do đó, để ổn định cuộc sống của các con, phù hợp với nguyện vọng của các bên đương sự giao cháu Nguyễn TT cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; Giao cháu Nguyễn Thị H cho chị Trương Thị A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh T và Chị A là phù hợp với quy định tại Điều 81; 82; 83; 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản, công sức và công nợ: Anh T và Chị A đều xác nhận không có gì, không đề nghị Tòa án giải quyết; Trêng híp nŌu sau này các đương sự có yêu cầu Ờ nghP thì sẽ giải quyết t'i vụ án khác.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Anh T phải nộp toàn bộ án phí ly hôn theo quy định pháp luật. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82; 83; 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Khoản 1 §iỜu 228; Điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội qui định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Anh Nguyễn Tuấn T được ly hôn với chị Trương Thị A;

2. Về con chung: Anh T và Chị A có 02 con chung là cháu Nguyễn TT – sinh ngày 11/11/2012 và cháu Nguyễn Thị H – sinh ngày: 11/9/2014. Giao anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu TT; Giao Chị A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu H. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh Nguyễn Tuấn T và chị Trương Thị A cho đến khi cháu H, cháu Tài trưởng thành, khỏe mạnh hoặc có sự thay đổi khác hoặc khi có yêu cầu khác. Các đương sự có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở

3. Về án phí: Anh T ph¶i chịu 300.000® (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ anh Tuấn đã nộp tại

Biên lai thu số 0057280 ngày 06/12/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn; Bị cáo vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, tổng đạt hợp lệ.

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND huyện Ứng Hoà;
- Chi cục THADS Ứng Hoà;
- Cơ quan thực hiện ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hs; V/P./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thanh Minh

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa